

Transport in plants

IGCSE Biology · Vocabulary

English	中文	Pinyin
↑ xylem	木质部	mù zhì bù
💎 mineral ions	矿物质离子	kuàng wù zhì lí zǐ
▢ support	支撑	zhī chēng
↓ phloem	韧皮部	rèn pí bù
🍬 sucrose	蔗糖	zhè táng
🧪 amino acids	氨基酸	ān jī suān
🌿 vascular bundles	维管束	wéi guǎn shù
🌿 vessels	导管	dǎo guǎn
🌿 lignin	木质素	mù zhì sù
🌱 root hair cells	根毛细胞	gēn máo xì bāo
🌱 root hairs	根毛	gēn máo
□ surface area	表面积	biǎo miàn jī
🌀 cortex	皮层	pí céng
🌿 mesophyll	叶肉	yè ròu
🎨 stain	染色剂	rǎn sè jì
💧 transpiration	蒸腾作用	zhēng téng zuò yòng
☁ water vapour	水蒸气	shuǐ zhēng qì
☁ evaporates	蒸发	zhēng fā
⇌ air spaces	气腔	qì qiāng
⇌ diffuses	扩散	kuò sǎn
🔍 stomata	气孔	qì kǒng
🌡 temperature	温度	wēn dù
⇌ wind speed	风速	fēng sù
💧 humidity	湿度	shī dù

English	中文	Pinyin
↑ transpiration pull	蒸腾拉力	zhēng téng lā lì
☞ forces of attraction	吸引力	xī yǐn lì
▮ column	水柱	shuǐ zhù
↘ wilts	萎蔫	wēi niān
↕ translocation	转运	zhuǎn yùn
⤴ sources	源	yuán
⤵ sinks	库	kù